TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN ĐỒN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2023/QĐST-DS	*Vân Đồn, ngày 15 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 05 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1951;

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

+ Bị đơn: anh Tô Văn H - sinh năm 1995;

Địa chỉ: thôn V, xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Tô Văn H còn nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), anh Tô Văn H không phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Đ .

- Về phương thức trả nợ:

+ Thời gian từ ngày 05/5/2023 đến ngày 28/5/2023 anh Tô Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ 2.000.000đ (hai triệu đồng);

+ Đối với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) còn lại, anh Tô Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)

vào ngày 28 hàng tháng. Thời hạn trả tính từ ngày 28/6/2023 cho đến khi anh Tô Văn H trả hết nợ cho bà Nguyễn Thị Đ.

+ Trường hợp đến hạn trả nợ như đã cam kết mà anh Tô Văn H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì anh Tô Văn H phải trả hết toàn bộ số tiền còn nợ của bà Nguyễn Thị Đ (trả một lần) vào thời hạn trả nợ kế tiếp sau đó.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Tô Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ, hoặc không trả) cho bà Nguyễn Thị Đ, thì anh Tô Văn H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí: anh Tô Văn H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, theo Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án Dân sự cùng cấp;
- TAND tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Dương Thị Nga

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).